| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **135**/2019/HC-PT
Ngày: 22/8/2019
*V/v: "Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn Trường**
*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Cường**
Ông **Mai Xuân Thành**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 82/2019/TLPT-HC ngày 18 tháng 01 năm 2019 về: *"Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, do bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 922/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà **Đinh Thị T**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 4, xã N, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi; Hiện nay đang tạm trú: số 39F Cư xá C1, phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông **Trương Quang T1**, sinh năm 1950; Địa chỉ: số 135 Đường N3, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền ngày 13/6/2018), có mặt.

**** Người bị kiện:*** **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi;** Địa chỉ trụ sở: số 163 đường H, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi. *Người đại diện hợp pháp:* Ông **Đỗ Minh H**, chức vụ: Giám đốc, *là người đại diện theo pháp luật*, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông **Lê Hồng T2**, sinh năm 1933;

2. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1934;

3. Ông **Lê Hồng Th**, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã N, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi, tất cả vắng mặt.

4. Anh **Lê Hồng Th1**, sinh năm 1999; Địa chỉ thường trú: Thôn 4, xã N, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ tạm trú: số 39F Cư xá C, phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện hợp pháp:* Ông **Trương Quang T1**, sinh năm 1950; Địa chỉ: số 135 Đường N3, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi, là n*gười đại diện theo ủy quyền* (văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018), có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2018, 16/5/2018, bản tự khai ngày 02/7/2018, bản trình bày ngày 08/10/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trương Quang T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị T trình bày:***

Ngày 23/6/1995, bà Đinh Thị T và ông Lê Hồng Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã Q1 (nay là thành phố Q1), hai người có con chung tên là Lê Hồng Th1, sinh năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung nhà với cha, mẹ chồng là ông Lê Hồng T2, bà Nguyễn Thị Q tại thửa đất số 854, tờ bản đồ số 1, xã N, thành phố Q1. Do nhà của ông T2, bà Q chật chội nên đầu năm 2003 ông T2, bà Q chỉ đất cho vợ, chồng bà làm nhà ở tại vị trí thửa đất 1553 phía Tây của thửa đất 854, có giới cận: Phía Đông giáp đường vào nhà ông Lê C, phía Tây giáp đất công, phía Nam giáp đường bê tông, phía Bắc giáp đất ông Lê C (thửa số 1553, tờ bản đồ số 1). Tháng 02/2003 (Tại phiên tòa người khởi kiện khai lại là tháng 02/2004), vợ chồng bà mua vật liệu để xây dựng nhà ở, diện tích 120m$^2$ (6m x 20m), loại nhà cấp 4, sử dụng liên tục ổn định cho đến nay, diện tích đất còn lại thì vợ chồng bà trồng lúa. Vì hoàn cảnh gia đình nên bà T phải vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn để nuôi con ăn học, ông Th sinh sống bình thường tại địa phương và quản lý sử dụng đất nói trên. Đến tháng 02/2018, bà T mới biết việc vợ chồng ông T2, bà Q chuyển nhượng đất của vợ chồng bà đang sử dụng. Ngày 02/3/2018, bà T gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã N yêu cầu hòa giải và bà đến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi chi nhánh thành

phố Q1 xin cung cấp thông tin về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Hồng T2 đối với thửa đất số 1553, tờ bản đồ số 01, xã N và hồ sơ tách thửa từ thửa 1553 tách thành 03 thửa, gồm: Thửa 125 diện tích 708,6m$^2$, tờ bản đồ số 23 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận CS05197 ngày 31/5/2017 cho ông T2, bà Q (thửa đất này có nhà của vợ chồng bà); Thửa 126 diện tích 104,2m$^2$, tờ bản đồ số 23 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận CS05198 ngày 31/5/2017 cho ông T2, bà Q (thửa đất này ông T2, bà Q đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Tâm K, sinh năm 1984, trú tại thôn TK, xã N1, thành phố Q1); Thửa 127 diện tích 103,8m$^2$, tờ bản đồ số 23 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận CS05199 ngày 31/5/2017 cho ông T2, bà Q (thửa đất này ông T2, bà Q đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Tâm K, sinh năm 1984, trú tại thôn TK, xã N1, thành phố Q1). Các thửa đất số 125, 126, 127 nêu trên được tách từ thửa 1553, tờ bản đồ số 1, xã N, thành phố Q1, diện tích 916,6m$^2$ do Ủy ban nhân dân thành phố Q1 đã cấp giấy chứng nhận CH05087 ngày 19/4/2017 cho ông T2, bà Q. Tuy nhiên, thửa đất số 1553 ông T2, bà Q đã cho vợ chồng bà xây nhà ở từ tháng 2/2004 cho đến nay nên việc ông T2 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa là không đúng quy định của pháp luật. Do vợ chồng ông Lê Hồng T2 đã già, gia đình khó khăn nên đối với 02 thửa đất số 126, 127 mà vợ chồng ông T2 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Tâm K thì bà không khởi kiện, bà chỉ yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05197 ngày 31/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q tại thửa đất 125, tờ bản đồ số 23, xã N, diện tích 708,6m$^2$.

***Tại công văn số 3525/STNMT ngày 03/8/2018, về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi có trình bày:***

Ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q được Ủy ban nhân dân thành phố Q1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 19/4/2017, số phát hành CG 836097, số vào sổ CH 05087, thửa đất số 1553, tờ bản đồ số 01, diện tích 916,6m$^2$ ONT, thuộc xã N, thành phố Q1. Ngày 12/5/2017, ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q nộp hồ sơ đề nghị tách thành 03 thửa đất. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Q1 phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N kiểm tra thực địa xác định vị trí tách thửa, lập thủ tục trình Văn

phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 31/5/2017, cụ thể: Thửa đất số 125, tờ bản đồ 23, diện tích 708,6m$^2$ ONT, xã N, thành phố Q1, số phát hành CG 939947, số vào sổ CS 05197; Thửa đất số 126, tờ bản đồ 23, diện tích 104,2m$^2$ ONT, xã N, thành phố Q1, số phát hành CG 939948, số vào sổ CS 05198; Thửa đất số 127, tờ bản đồ 23, diện tích 103,8m$^2$ ONT, xã N, thành phố Q1, số phát hành CG 939949, số vào sổ CS 05199. Việc lập thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q là đúng pháp luật. Bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG 939947, số vào sổ CS 05197 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/5/2017 cho ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q là không có cơ sở.

***Tại bản tự khai ngày 09/7/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trương Quang T1 là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hồng Th1 trình bày:*** Anh Lê Hồng Th1 thống nhất với nội dung khởi kiện của bà Đinh Thị T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05197 ngày 31/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q tại thửa đất 125, tờ bản đồ số 23, xã N, diện tích 708,6m$^2$.

***Tại bản tự khai ngày 11/7/2018, biên bản làm việc ngày 14/8/2018, ông Lê Hồng T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:*** Bà T bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1993 (sau 3 ngày đám cưới bà T và ông Th), giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Lê Hồng Th đều do bà T giữ. Ông Lê Hồng Th bị tâm thần trên 14 năm, có đi khám bệnh nhưng không có sổ điều trị bệnh tâm thần. Ở địa phương (thôn, xã) đều biết tình trạng bệnh tật của Lê Hồng Th. Ông Lê Hồng Th hiện nay đang sống một mình. Trên thửa đất số 125, tờ bản đồ số 23, diện tích 708,6m$^2$ xã N, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi có 01 căn nhà cấp 4 của Lê Hồng Th xây dựng năm 2002, bà T không đóng góp xây dựng nhà, diện tích đất còn lại thì ông trồng lúa. Ông và bà Nguyễn Thị Q có 03 người con, gồm: Lê Thị Bích N2 có chồng và sống ở thành phố Hồ Chí Minh; Lê Hồng Th chồng của bà Đinh Thị T; Lê Hồng T3 đã có vợ. Cả 03 người con của ông không có liên quan gì đến thửa đất số 125, tờ bản đồ số 23, diện tích 708,6m$^2$ xã N, thành phố Q1 mà bà T khởi kiện. Việc bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05197 do Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/5/2017 cho vợ chồng ông thì ông không đồng ý.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hồng Th, bà Nguyễn Thị Q không có văn bản trình bày ý kiến và Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.***

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; Căn cứ Điều 168, 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 75 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ vào Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Tuyên xử:* Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05197 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/5/2017 cho ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q đối với thửa đất 125, tờ bản đồ số 23, diện tích 708,6m$^2$ xã N, thành phố Q1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07-12-2018, người khởi kiện bà Đinh Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Tại phiên tòa, ông Trương Quang T1 người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử sửa bản án Hành chính số 30/2018/HC-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, chấp nhận đơn khởi kiện của bà về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05197 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/5/2017 cho ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q đối với thửa đất 125, tờ bản đồ số 23, diện tích 708,6m$^2$ xã N, thành phố Q1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Kháng cáo

của bà T và lời trình bày, tranh luận của người đại diện người khởi kiện tại phiên tòa không có cơ sở, không cung cấp được chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đinh Thị T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, theo đề nghị của đại diện người khởi kiện và Kiểm sát viên, HĐXX thông nhất tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Xét về kháng cáo của người khởi kiện thì thấy: Tại hồ sơ của UBND xã N thể hiện thực hiện đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, năm 1983 ông Lê Hồng T2 có đăng ký 3800m$^2$ đất thổ cư có số thửa 521, tờ bản đồ số 04 thể hiện tại trang 155, quyển I. Theo mẫu 5b có số thứ tự 106, trang 28, Quyển II Sổ đăng ký quyền sử dụng đất xã N, Quãng Ngãi. Theo bản đồ đo vẽ năm 1993 diện tích là 3720m$^2$ đất thổ cư, có số thửa 854, tờ bản đồ số 01. Khi thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì ông T2 đăng ký thửa đất trên là đất vườn ở, gia đình ông T2 có nhà ở ổn định tại đấy. Ngoài ra chú của ông Lê Hồng T2 là vợ chồng ông Lê A, bà Nguyễn Thị Đ có cho ông T2 một thửa đất vào năm 1975, ông T2 đăng ký theo 299/CP với diện tích 916,6m$^2$ có số thửa 1553, tờ bản đồ số 01. Năm 2003 do cùng ở chung trong nhà chật chội, nên vợ chồng ông T2 bà Q có cho vợ chồng con trai là ông Lê Hồng Th và bà Đinh Thị T được làm nhà ở riêng bên cạnh trên thửa đất 1553. Khi cho đất làm nhà hai bên không lập thủ tục vì thửa đất trên ông T2 bà Q chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) và cũng không ghi giấy tay hay văn bản nào khác để xác nhận việc cho đất để làm nhà ở.

[3] Ngày 21/11/2016 UBND xã N đã họp lấy ý kiến dân cư đều thống nhất thửa đất số 1553, tờ bản đồ số 01 nguyên là của chú thím ông T2 là ông Lê A và bà Nguyễn Thị Đ để lại cho ông T2 sử dụng. Tại biên bản kết thúc niêm yết công khai ngày 08/02/2017 thể hiện: Ngày 09/01/2017 UBND xã N nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ của ông T2 bà Q đối với 916,6 m$^2$ đất có số thửa

1553, tờ bản đồ số 01 và 2649,3m$^2$ đất có số thửa 854, tờ bản đồ 01. Ngày 10/01/2007 đến ngày 24/01/2007 UBND xã đã niêm yết danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ của ông T2 bà Q nhưng không nhận được khiếu nại của cá nhân nào. Trên cơ sở đó ngày 19/4/2017 UBND thành phố Q1 đã cấp Giấy CNQSDĐ vào sổ số CH05087 cho ông T2 bà Q được sử dụng 916,6m$^2$ có số thửa 1553, tờ bản đồ số 01. Ngày 12/5/2017 ông T2 bà Q nộp hồ sơ đề nghị tách thửa 1553 thành 03 thửa đất, sau khi tiếp nhận hồ sơ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q1 phối hợp với UBND xã N kiểm tra thực địa xác định vị trí tách thửa, lập thủ tục trình Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 03 Giấy CNQSDĐ như sau: Giấy CNQSDĐ số CG939947 ngày 31/5/2017 đối với diện tích 708,6m$^2$ đất ONT, có số thửa 125, tờ bản đồ số 23; Giấy CNQSDĐ số CG939948 ngày 31/5/2017 đối với diện tích 104,2m$^2$ đất ONT, có số thửa 126, tờ bản đồ số 23; Giấy CNQSDĐ số CG939949 ngày 31/5/2017 đối với diện tích 103,8m$^2$ đất ONT, có số thửa 127, tờ bản đồ số 23.

[4] Từ những nhận định trên, thấy: Quá trình cấp Giấy CNQSDĐ thửa 1553 và tách ra thành 03 thửa cho ông T2 bà Q là đúng, đủ với trình tự thủ tục quy định, không có cơ sở không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đinh Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận đơn kiện của bà Đinh Thị T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05197 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/5/2017 cho ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q đối với thửa đất 125, tờ bản đồ số 23, diện tích 708,6m$^2$ xã N, thành phố Q1.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Người kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; Căn cứ Điều 168, 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 75 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ vào Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:*** Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05197 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/5/2017 cho ông Lê Hồng T2 và bà Nguyễn Thị Q đối với thửa đất 125, tờ bản đồ số 23, diện tích 708,6m$^2$ xã N, thành phố Q1.

2. Án phí: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm. Bà T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 4248 ngày 24/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà T đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/8/2019)./.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Trường**